

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tam Đường, ngày tháng năm 2008

HỢP ĐỒNG

Số: /HĐ-XD

Về việc: Thi công xây dựng công trình

Gói thầu số 03 (gói thầu xây lắp) công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu

I. Các căn cứ để ký kết hợp đồng:

Bộ Luật Dân sự số: 33/2005/QH11, ngày 14/6/2005;

Luật Xây dựng số: 16/2003/QH11, ngày 26/11/2003;

Luật Đấu thầu số: 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005

Nghị định số: 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định số: 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định số: 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Nghị định số: 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Nghị định số: 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số: 03/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 1 năm 2008 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số: 280/QĐ-UBND ngày 04/3/2008 của UBND tỉnh Lai Châu, về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Tam Đường;

Căn cứ Quyết định số: 1905/QĐ-UBND ngày 28/11/2008 của UBND tỉnh Lai Châu, về việc phê duyệt bổ sung tổng mức đầu tư, kế hoạch đấu thầu dự án: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Tam Đường;

Căn cứ Quyết định số: 2187/QĐ-UBND ngày 30/12/2008 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt kết quả đấu thầu, gói thầu số 03 (gói thầu xây lắp) công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Tam Đường;

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký kết,

Hôm nay ngày 30 tháng 12 năm 2008 tại văn phòng Ban Quản lý dự án huyện Tam Đường, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II. Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

1. Bên giao thầu (Goi tất là bên A)

- Tên cơ quan: Ban Quản lý dự án huyện Tam Đường
- Trụ sở chính: Thị trấn Tam Đường huyện Tam Đường
- Đại diện là ông : ***Mai Khắc phương***
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 02313 753 559
- Fax 02313 879 408
- Tài khoản số: 9440201
- Mở tại: Kho bạc Nhà nước huyện Tam Đường

2. Bên nhận thầu (Goi tất là Bên B):

- Tên cơ quan Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tổng hợp
Tuyền Phương
- Trụ sở chính: Khu phố 3 – Thị trấn Than Uyên – Huyện Than Uyên
- Tỉnh Lai Châu.
- Đại diện là ông: ***Đỗ Quang Tuyến***
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 02313 784 253 Fax: 02313 784 253
- Mã số thuế: 6200001604
- Tài khoản số: 7805211 04 0006
- Mở tại: Ngân hàng Nông Nghiệp & PTNT huyện Than Uyên

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 23 02 000017 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp.

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU

Điều 1. Đối tượng hợp đồng:

Bên A giao cho Bên B thực hiện thi công xây dựng toàn bộ phần khối lượng xây lắp gói thầu số 03 công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Tam Đường theo Hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công đã được phê duyệt.

Điều 2. Thành phần hợp đồng.

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Biểu giá và các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (ĐKCT);
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. HSDT của nhà thầu trúng thầu;
7. HSMT và các tài liệu bổ sung HSMT;
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Nhà thầu

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: **4.537.000.000 VND.**

(Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm ba bảy triệu đồng chẵn).

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng (Điều 32 trong ĐKCT).

Điều 6. Hình thức hợp đồng:

Thực hiện theo hình thức hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày phát lệnh thực hiện hợp đồng.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo Luật định.
3. Hợp đồng được làm thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 8 bản, Bên B giữ 2 bản;

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều	Khoản	Nội dung
1	3	Chủ đầu tư: UBND huyện Tam Đường
	12	Quản lý, điều hành dự án và giám sát: Ban QLDA huyện Tam Đường.
	4	Nhà thầu: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại tổng hợp Tuyền Phương.
	11	Gói thầu số 03 (gói thầu xây lắp): Toàn bộ khối lượng xây lắp thuộc phạm vi gói thầu số 03 công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Tam Đường
2		<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ của hợp đồng: Tiếng việt. - Luật điều chỉnh hợp đồng: Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu.
3	1	<p>Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước ngày hợp đồng có hiệu lực. - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng bảo lãnh của Ngân hàng được Chủ đầu tư chấp thuận. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
	3	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu ngay sau khi công trình được bàn giao, nghiệm thu, đồng thời nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
4		<p>Hình thức hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh. - Nguyên tắc thanh toán: Thanh toán dựa trên cơ sở khối lượng công việc thực tế đã thực hiện và dựa trên kế hoạch vốn của nhà nước.
5	1	Danh sách nhà thầu phụ: Không

	2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá giá hợp đồng: Không
	4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : Không
6		Hợp tác với nhà thầu khác: Không
7	1	<p>Danh sách cán bộ chủ chốt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàng Mạnh Hiếu - Chỉ huy trưởng công trường - Hoàng Công Tỉnh - Thay thế khi đi vắng - Hoàng Công Tỉnh - Chủ nhiệm kỹ thuật thi công - Vũ Văn Thuận - Chủ nhiệm KCS - Vũ Văn Thuận - Phụ trách thí nghiệm - Trần Văn Minh - Cán bộ kỹ thuật - Lê Công Tấn - Cán bộ kỹ thuật
11		Trách nhiệm pháp lý tối đa: Trách nhiệm pháp lý tối đa không vượt quá giá hợp đồng.
13		Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu
14		Yêu cầu về công trình tạm: Không
17		Ngày giao công trường (Mặt bằng thi công): 12 ngày sau khi ký kết hợp đồng xây lắp.
19		<p>+ Hòa giải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong 06 ngày kể từ ngày xảy ra mâu thuẫn quyền lợi giữa các bên. <p>+ Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian gửi giải quyết tranh chấp ra tòa: Sau 07 ngày kể từ ngày xảy ra mâu thuẫn về quyền lợi các bên dẫn đến tranh chấp. - Cơ quan xử lý tranh chấp: Tòa án tỉnh Lai Châu. - Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp: Lấy trong chi phí của hợp đồng xây lắp nếu nhà thầu bị tòa xử thua và lấy trong chi phí quản lý dự án nếu Chủ đầu tư bị tòa xử thua.

20		<p>Ngày khởi công: Bắt đầu ngay khi Chủ đầu tư phát lệnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>Ngày hoàn thành dự kiến: 06 tháng kể từ ngày phát lệnh thực hiện hợp đồng.</p>
22		Các yếu tố khác: Không.
24		Vật tư, thiết bị: Yêu cầu đáp ứng theo đúng nội dung ghi trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu, cung cấp các kết quả thí nghiệm làm căn cứ nghiệm thu công trình
26	1	Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng.
	2	Yêu cầu về bảo hành công trình: Bảo hành toàn bộ công trình cho những phần hư hại do lỗi của nhà thầu gây ra theo đúng các quy định của Pháp luật về Xây dựng.
28		Yêu cầu về thuế: Giá hợp đồng trên đã bao gồm các loại thuế theo quy định của nhà nước. Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về các loại thuế (Bao gồm cả khi Nhà nước có sự thay đổi về chính sách thuế trong quá trình thực hiện hợp đồng).
29		<p>Điều chỉnh giá hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung điều chỉnh: Việc điều chỉnh giá chỉ áp dụng khi thị trường có biến động giá về các loại vật tư, vật liệu ảnh hưởng lớn tới lợi ích của nhà thầu hoặc chủ đầu tư; - Phương pháp và thời gian tính điều chỉnh: Điều chỉnh theo từng giai đoạn nghiệm thu thực tế. - Cơ sở tính điều chỉnh giá: Dựa trên phần khối lượng thi công trong thời điểm biến động và được tính toán căn cứ vào giá vật liệu theo thông báo giá của Sở Xây dựng Lai Châu (Hoặc liên ngành Sở Xây dựng và Sở Tài chính Lai Châu) tại từng thời điểm nghiệm thu vật liệu đầu vào. Ngoài ra giá vật liệu đưa vào tính toán cũng có thể dựa trên cơ sở giá ghi trong hóa đơn đỏ của nhà thầu khi mua vật liệu đầu vào. - Việc điều chỉnh giá hợp đồng được thực hiện thông qua việc điều chỉnh đơn giá chi tiết của từng hạng mục công việc và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp vượt tổng mức đầu tư. Đối với trường hợp không vượt tổng mức đầu tư thì phải được Chủ đầu tư phê duyệt và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét.

31	1	Tạm ứng: Giá trị tạm ứng bằng 38% giá hợp đồng.
	2	Hoàn trả tiền tạm ứng: Theo các lần nghiệm thu thanh toán, và hoàn trả đủ 100% số tiền tạm ứng cho lần nghiệm thu thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng.
32		Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thời hạn thanh toán không quá 15 ngày kể từ ngày có đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định của Pháp luật và được bên A ký thành biên bản xác nhận về việc giao nhận hồ sơ.
33	1	Mức thưởng: Không áp dụng biện pháp thưởng hợp đồng
	2	Mức phạt: Phạt 0,05% cho mỗi ngày chậm tiến độ. Phạt với giá trị tương ứng cho phần hợp đồng không đảm bảo chất lượng và nhà thầu phải dỡ bỏ rồi thi công lại phần hợp đồng không đảm bảo chất lượng đó. Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa cho toàn bộ công trình: 12 % giá trị chậm hợp đồng.
	3	Yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng: Không
34		Thời gian tiếp nhận công trình: Chủ đầu tư tiếp nhận công trình sau 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình.
35	1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Theo từng giai đoạn nghiệm thu, hoặc giai đoạn nghiệm thu thanh toán.

CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

A. TỔNG QUÁT

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Hợp đồng” là sự thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.
2. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền mà chủ đầu tư đã thỏa thuận với nhà thầu theo hợp đồng.
3. “Chủ đầu tư” là tổ chức được nêu trong Điều kiện cụ thể (**ĐKCT**).
4. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (độc lập hoặc liên danh) được nêu trong **ĐKCT**.
5. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu thỏa thuận hoặc ký kết hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc xây dựng đã được dự kiến trong HSDT.
6. "Ngày khởi công" là ngày mà Chủ đầu tư quyết định cho nhà thầu bắt đầu thi công công trình.
7. "Thời gian hoàn thành" là khoảng thời gian cần thiết để xây dựng công trình được tính từ ngày khởi công đến ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao.
8. “Ngày” là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
9. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao.
10. "Công trường" là địa điểm mà chủ đầu tư quy định cho nhà thầu sử dụng để thi công công trình được nêu trong **ĐKCT**.
11. Quản lý và điều hành dự án: Là đơn vị thay mặt Chủ đầu tư quản lý, điều

hành dự án, thay mặt Chủ đầu tư thương thảo, ký kết hợp đồng và quản lý hợp đồng xây lắp.

Điều 2. Ngôn ngữ sử dụng và Luật áp dụng

Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt; luật điều chỉnh hợp đồng là Luật Việt Nam, trừ khi có quy định khác nêu tại **ĐKCT**.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo nội dung yêu cầu nêu trong **ĐKCT** để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho chủ đầu tư như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của nhà thầu khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu trong thời hạn quy định tại **ĐKCT**.

Điều 4. Hình thức hợp đồng

Hình thức hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**.

Điều 5. Nhà thầu phụ

1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong **ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ sẽ chỉ được thực hiện khi chủ đầu tư chấp thuận.

2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại **ĐKCT**.

3. Nhà thầu không được sử dụng thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ trong HSDT.

4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT**.

Điều 6. Hợp tác với nhà thầu khác

Việc hợp tác với nhà thầu khác để cùng sử dụng công trường được thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.

Điều 7. Nhân sự của nhà thầu

1. Nhà thầu phải sử dụng các cán bộ chủ chốt có tên trong Danh sách cán bộ chủ chốt được đề cập trong **ĐKCT** để thực hiện các công việc nêu trong danh sách này hoặc sử dụng các cán bộ khác được chủ đầu tư chấp thuận. Chủ đầu tư sẽ chỉ chấp thuận việc đề xuất thay thế cán bộ chủ chốt trong trường hợp năng lực và trình độ của những người thay thế về cơ bản tương đương hoặc cao hơn các cán bộ được liệt kê trong danh sách.

2. Nếu chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu buộc thôi việc một hoặc các thành viên trong số nhân viên của nhà thầu với lý do chính đáng, nhà thầu phải bảo đảm rằng nhân viên đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng năm ngày làm việc và không còn mối liên hệ nào với công việc trong hợp đồng.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại

1. Nhà thầu phải bồi thường và chịu trách nhiệm về những tổn hại cho chủ đầu tư, nhân viên của chủ đầu tư đối với các thiệt hại, mất mát và các chi phí có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay cái chết của bất cứ người nào xảy ra trong hoặc ngoài quá trình thi công hoặc do nguyên nhân từ bản vẽ của nhà thầu, từ việc thi công, hoàn thành công trình, sửa chữa sai sót, trừ trường hợp có thể quy cho chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cấu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng;

b) Hỏng hóc hay mất mát bất cứ tài sản nào (không phải là công trình) xảy ra trong hoặc ngoài quá trình thi công hoặc do nguyên nhân từ bản vẽ của nhà thầu, từ việc thi công, hoàn thành công trình, sửa chữa sai sót, trừ trường hợp có thể quy cho chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cấu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng.

2. Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho nhà thầu, các nhân viên của nhà thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí liên quan đến tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay cái chết được quy cho sự cấu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng bởi chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư.

Điều 9. Rủi ro của chủ đầu tư

Kể từ ngày khởi công cho đến ngày hết hạn nghĩa vụ bảo hành của nhà thầu, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về những rủi ro sau đây:

1. Rủi ro về thương tích, tử vong đối với con người, mất mát hoặc hư hỏng tài sản (loại trừ công trình, máy móc, vật tư, thiết bị) do lỗi của chủ đầu tư;

2. Rủi ro về hư hại đối với công trình, máy móc, vật tư, thiết bị do lỗi của chủ đầu tư hoặc do thiết kế của chủ đầu tư hoặc do bất khả kháng.

Điều 10. Rủi ro của nhà thầu

1. Rủi ro của nhà thầu bao gồm:

a) Các rủi ro không phải là rủi ro của chủ đầu tư, bao gồm rủi ro về thương tích, tử vong, mất mát hay hư hỏng tài sản (kể cả đối với công trình, máy móc, vật tư, thiết bị) kể từ ngày khởi công cho đến ngày hết hạn nghĩa vụ bảo hành.

b) Rủi ro về tổn thất, hư hại kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao công trình cho đến ngày hết hạn nghĩa vụ bảo hành của nhà thầu do:

- Bất kỳ sai sót nào xảy ra vào ngày hoàn thành;
- Bất kỳ sự việc nào xảy ra trước ngày hoàn thành mà sự việc này không phải là rủi ro của chủ đầu tư;
- Các hoạt động của nhà thầu trên công trường sau ngày hoàn thành.

2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những rủi ro của nhà thầu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Giới hạn về trách nhiệm pháp lý

1. Không bên nào phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với bên kia vì sự mất mát trong khi sử dụng công trình, sự thiệt hại về lợi nhuận, hay thiệt hại gián tiếp liên quan đến hợp đồng này ngoài các quy định về phạt do chậm trễ thực hiện hợp đồng, sửa chữa sai sót, thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng, bồi thường thiệt hại.

2. Trách nhiệm pháp lý của nhà thầu đối với chủ đầu tư theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng ngoài quy định về bồi thường thiệt hại nêu tại Điều 8 không được vượt quá tổng số tiền nêu trong **ĐKCT**.

3. Không giới hạn trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp gian lận, lỗi cố ý hay hành vi bất cẩn của bên phạm lỗi.

Điều 12. Trường hợp bất khả kháng

1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hoả hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, nhà thầu theo hướng dẫn của chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình sẽ không phải bồi thường thiệt hại hay bị phạt, bị chấm dứt hợp đồng trong những trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 19.

Điều 13. Bảo hiểm

Yêu cầu về bảo hiểm được quy định tại **ĐKCT**.

Điều 14. Công trình tạm

Yêu cầu về công trình tạm được nêu ở **ĐKCT**.

Điều 15. An toàn

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho tất cả các hoạt động tại công trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Cổ vật phát hiện tại công trường

Bất kỳ đồ vật gì có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể được phát hiện tại công trường sẽ là tài sản của Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quyền sử dụng công trường

Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào ngày ghi trong **ĐKCT**.

Điều 18. Giám sát của Chủ đầu tư.

1. Giám sát Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định hiện hành.

2. Giám sát Chủ đầu tư có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của Giám sát Chủ đầu tư.

Điều 19. Giải quyết tranh chấp

1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định trong **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong **ĐKCT**.

B. QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Điều 20. Ngày hoàn thành công trình

Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào ngày khởi công quy định tại **ĐKCT** và phải tiến hành thi công công trình theo đúng Bảng tiến độ thi công được duyệt. Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào ngày hoàn thành dự kiến nêu tại **ĐKCT**.

Điều 21. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng

1. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những trường hợp sau đây:

a) Chủ đầu tư không giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào thời gian quy định tại Điều 17;

b) Chủ đầu tư không chấp thuận nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ nêu tại khoản 1 Điều 5 mà không có lý do chính đáng;

c) Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình.

d) Các trường hợp khác được mô tả trong **ĐKCT**.

2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu hoãn việc khởi công hay làm chậm lại tiến độ của bất kỳ hoạt động nào trong công trình.

3. Trường hợp cần rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư phải tiến hành thương thảo với nhà thầu về các nội dung liên quan.

Điều 22. Dự báo về sự cố

Nhà thầu cần dự báo sớm cho chủ đầu tư về các sự việc có thể sắp xảy ra mà tác động xấu đến chất lượng công trình, làm tăng giá hợp đồng hay làm chậm trễ việc thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu dự báo về ảnh hưởng của sự việc này đối với giá hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải hợp tác với chủ đầu tư để đưa ra các biện pháp khắc phục.

C. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Điều 23. Kiểm tra chất lượng vật tư, thiết bị

1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư và thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

2. Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, thiết bị nêu tại **ĐKCT** để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.

3. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư và thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hay tại

công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

4. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, thiết bị nêu trên.

Điều 24. Xử lý sai sót

1. Tư vấn giám sát phải chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng các công việc của nhà thầu. Trường hợp phát hiện sai sót, tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu xem xét tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục. Việc kiểm tra nói trên không ảnh hưởng tới nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

2. Trường hợp tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu tiến hành một thí nghiệm mà không quy định trong tiêu chuẩn kỹ thuật để kiểm tra bất kỳ công việc nào xem có sai sót không và việc kiểm tra cho thấy có sai sót, thì nhà thầu phải thanh toán chi phí về thí nghiệm. Nếu không có sai sót, chi phí này sẽ được tính vào giá hợp đồng để chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu.

Điều 25. Bảo hành công trình

1. Thời gian bảo hành công trình được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng và được xác định trong **ĐKCT**. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu.

2. Yêu cầu về bảo hành công trình được nêu trong **ĐKCT**.

3. Trong thời gian bảo hành, chủ đầu tư cần thông báo cho nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của nhà thầu trong khoảng thời gian chủ đầu tư quy định.

4. Trường hợp nhà thầu không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định, chủ đầu tư sẽ xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

D. QUẢN LÝ CHI PHÍ

Điều 26. Biểu giá hợp đồng

Biểu giá hợp đồng nêu tại Phụ lục 1 là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà nhà thầu phải thực hiện và đơn giá của các hạng mục đó.

Điều 27. Thuế

Các yêu cầu về thuế quy định tại **ĐKCT**.

Điều 28. Điều chỉnh giá hợp đồng

Điều chỉnh giá hợp đồng được áp dụng cho phần công việc áp dụng hình thức đơn giá. Nội dung điều chỉnh, phương pháp và thời gian tính điều chỉnh, cơ sở dữ liệu đầu vào để tính điều chỉnh giá được quy định tại **ĐKCT**.

Điều 29. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc, vật tư, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;

c) Thay đổi về thiết kế;

d) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng. 2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

3. Trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng, nhà thầu phải đưa khối lượng công việc được bổ sung vào Bảng tiến độ thi công chi tiết.

Điều 30. Tạm ứng

1. Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu theo các nội dung quy định trong **ĐKCT**.

2. Việc hoàn trả tiền tạm ứng được thực hiện như quy định tại **ĐKCT**.

Điều 31. Thanh toán

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu theo các nội dung quy định trong **ĐKCT**.

Điều 32. Thưởng và phạt vi phạm hợp đồng

1. Trường hợp quy định tại **ĐKCT**, nhà thầu được thưởng một khoản tiền theo mức quy định tại **ĐKCT** cho các sáng kiến của nhà thầu, cho mỗi ngày hoàn thành sớm công trình so với ngày hoàn thành dự kiến. Tổng số tiền thưởng không vượt quá tổng số tiền quy định tại **ĐKCT**.

2. Nhà thầu bị phạt theo mức quy định trong **ĐKCT** cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền quy định trong **ĐKCT**. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu.

3. Việc phạt vi phạm hợp đồng đối với chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng và các yêu cầu khác về thưởng, phạt vi phạm hợp đồng được nêu tại **ĐKCT**.

E. HOÀN THÀNH, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Điều 33. Nghiệm thu

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình trong vòng số ngày được quy định trong **ĐKCT** kể từ khi nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.

Điều 34. Bản vẽ hoàn công, hướng dẫn vận hành

1. Nhà thầu phải hoàn thành và nộp cho chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành, tài liệu hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có) vào ngày quy định trong **ĐKCT**.

2. Nếu nhà thầu không nộp bản vẽ hoàn công hoặc hướng dẫn vận hành vào ngày quy định trong **ĐKCT** hoặc các tài liệu này không được chủ đầu tư chấp nhận, chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền quy định trong **ĐKCT** từ khoản thanh toán đến hạn cho nhà thầu.

Điều 35. Chấm dứt hợp đồng

1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Nhà thầu ngừng thi công trong thời gian quy định tại **ĐKCT** trong khi việc ngừng thi công này không có trong Bảng tiến độ thi công chi tiết hiện tại và chưa được chủ đầu tư cho phép;

b) Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu kéo dài tiến độ công trình vượt quá thời gian quy định tại **ĐKCT**;

c) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;

d) Các hành vi khác nêu tại **ĐKCT**.

2. Trường hợp chấm dứt hợp đồng, nhà thầu phải ngừng ngay công việc, giữ công trường an toàn và rời công trường theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Điều 36. Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng

1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu nêu tại Điều 36, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.

2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của chủ đầu tư nêu tại Điều 36 hoặc do bất khả kháng, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển thiết bị, hồi hương nhân sự mà nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.

3. Mọi vật liệu tại công trường, máy móc, thiết bị, công trình tạm và công trình sẽ được xem là tài sản của chủ đầu tư nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu.